

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

Trưởng phòng TCKT



Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 10 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272,235,469,582	119,440,352,354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	122,490,418,397	63,559,688,166
1. Tiền	111		22,161,500,404	9,245,937,019
2. Các khoản tương đương tiền	112		100,328,917,993	54,313,751,147
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	9,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113,123,999,811	36,399,307,250
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	52,741,565,122	24,804,877,019
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	56,583,953,983	11,478,842,406
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	3,880,897,512	265,300,042
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(82,416,806)	(149,712,217)
IV. Hàng tồn kho	140		21,884,049,660	4,363,586,745
1. Hàng tồn kho	141	V.7	21,884,049,660	4,363,586,745
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14,737,001,714	6,117,770,193
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		192,825,489	5,519,487
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12,345,726,874	5,790,528,704
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	3,155,400	311,722,002
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2,195,293,951	10,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		398,400,381,955	298,455,388,377
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		374,329,186,266	287,071,528,675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	360,635,439,551	282,314,708,678
<i>Nguyên giá</i>	222		495,328,047,053	388,429,610,936
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(134,692,607,502)	(106,114,902,258)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,738,867,730	3,980,875,543
<i>Nguyên giá</i>	228		5,851,969,885	5,851,969,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,113,102,155)	(1,871,094,342)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	9,954,878,985	775,944,454
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21,142,822,836	11,207,828,910
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	17,113,751,336	7,178,757,410
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	4,029,071,500	4,029,071,500
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,928,372,853	176,030,792
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	1,891,689,914	32,859,853
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1,036,682,939	143,170,939
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>670,635,851,537</u>	<u>417,895,740,731</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	300		237,797,549,818	98,864,079,920
1. Vay và nợ ngắn hạn	310		78,474,426,241	47,081,526,471
2. Phải trả người bán	311	V.17	5,202,320,325	18,647,954,131
3. Người mua trả tiền trước	312	V.18	36,806,294,390	14,866,484,210
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	405,874,273	-
5. Phải trả người lao động	314	V.20	7,965,761,304	1,649,555,114
6. Chi phí phải trả	315		10,625,186,319	7,689,091,387
7. Phải trả nội bộ	316	V.21	13,357,922,568	220,731,687
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319	V.22	2,795,573,296	244,477,076
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	323	V.23	1,315,493,766	3,763,232,866
II. Nợ dài hạn	327		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	330		159,323,123,577	51,782,553,449
2. Phải trả dài hạn nội bộ	331		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	332		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	333	V.24	25,000,000,000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	334	V.25	134,323,123,577	51,782,553,449
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	335		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	336		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	337		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	338		-	-
III. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	339		-	-
I. Vốn chủ sở hữu	400		432,838,301,719	319,031,660,811
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410	V.26	432,838,301,719	319,031,660,811
2. Thặng dư vốn cổ phần	411		231,962,320,000	231,962,320,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	412		57,888,380,922	38,385,998,922
4. Cổ phiếu quỹ	413		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		(4,071,030,000)	(36,575,000,000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	417		14,430,466,733	14,430,466,733
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		7,763,408,871	7,763,408,871
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	420		124,864,755,193	63,064,466,285
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	422		-	-
1. Nguồn kinh phí	430		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
III. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIẾU SỐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		670,635,851,537	417,895,740,731

Báo cáo này phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)	208,763.18	28,293.00	
Euro (EUR)	46.02	46.02	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Quý 3		Lũy kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	116,895,628,042	52,325,168,877	276,221,751,913	155,027,814,268
2. Các khoản giảm trừ	03		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-03)	10		116,895,628,042	52,325,168,877	276,221,751,913	155,027,814,268
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	78,741,225,341	29,004,976,761	174,119,641,831	87,094,090,925
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		38,154,402,701	23,320,192,116	102,102,110,082	67,933,723,343
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	1,542,591,959	1,088,507,221	5,179,570,499	2,629,538,489
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	1,789,303,877	1,297,582,683	4,267,711,768	4,277,536,911
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,677,096,667	1,296,419,229	3,946,569,769	4,099,033,157
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.5	8,691,264,928	3,593,380,456	18,456,903,706	10,393,278,165
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		29,216,425,855	19,517,736,198	84,557,065,107	55,892,446,756
11. Thu nhập khác	31	VL.6	6,700,532	149,588,810	17,670,534	817,404,249
12. Chi phí khác	32	VL.7	258,114,703	50,030	330,765,036	397,095,673
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(251,414,171)	149,538,780	(313,094,502)	420,308,576
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	45	VL.8	1,403,638,776	947,016,106	7,434,993,926	1,336,902,089
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		30,368,650,460	20,614,291,084	91,678,964,531	57,649,657,421
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3,691,199,137	556,385,046	10,339,943,623	556,385,046
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		26,677,451,323	20,057,906,038	81,339,020,908	57,093,272,375

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2014

Lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng CKT

Phạm Thị Hồng Nhung



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÁI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			nay	trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		91,678,964,531	57,649,657,421
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khâu hao tài sản cố định	02		29,188,330,082	26,491,428,792
- Các khoản dự phòng	03		(67,295,411)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,850,913,437)	(2,595,295,189)
- Chi phí lãi vay	06		3,876,545,254	4,099,033,157
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		119,825,631,019	85,644,824,181
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(85,284,401,208)	(13,637,656,016)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17,520,462,915)	(1,087,925,277)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		89,590,819,626	2,992,422,933
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,414,753,088)	(1,490,177,614)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3,664,084,373)	(4,360,056,526)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,872,911,454)	(571,452,464)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,371,991,100)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>94,287,846,507</u>	<u>67,489,979,217</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(116,077,370,648)	(3,956,378,370)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	768,181,820
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		9,000,000,000	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(9,934,993,926)	(3,436,902,089)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,076,731,976	2,420,165,388
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(111,935,632,598)</u>	<u>(4,204,933,251)</u>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng đầu năm nay	9 tháng đầu năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		52,006,352,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		58,082,376,872	130,036,113
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13,987,440,550)	(15,389,814,465)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19,522,772,000)	(19,538,732,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		76,578,516,322	(34,798,510,352)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		58,930,730,231	28,486,535,614
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	63,559,688,166	46,187,337,339
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	V.1	122,490,418,397	74,673,872,953

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2014



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 3 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An quý 3 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn
của công ty mẹ

: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

: Cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải đường biển

4. Tổng số các công ty con

: 01

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

01

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	36%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	50%	50%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 Tập đoàn có 175 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong nhóm Công ty (cuối năm trước là 154 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thi Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP ĐỔ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thắt có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thắt để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8
Tài sản cố định khác	3 - 5

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 35 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thăng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thăng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	755,600,508	453,285,319
Tiền gửi ngân hàng	21,405,899,896	8,792,651,700
Các khoản tương đương tiền	100,328,917,993	54,313,751,147
Cộng	122,490,418,397	63,559,688,166

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	-	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	1,551,033,636	1,178,632,999
Kawasaki Kisen Kaisha	4,415,138,344	1,175,016,696
Oocl Viet Nam Co.,Ltd	2,134,820,744	2,188,052,768
Công ty TNHH Hanjin Shipping Việt Nam	2,448,046,799	1,452,196,512
Yang Ming Marine Transport Corp	5,809,345,666	3,837,724,507
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	8,792,732,742	2,706,988,185
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	325,611,618	188,912,425
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	115,318,766	64,934,748
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	-	-
Công ty TNHH Huynhdai Merchant Marime Việt Nam	73,435,400	183,506,242
Pendulum Express Lines Pte Ltd	5,255,438,394	2,264,022,891
VNT Logistics	6,474,719,100	5,265,119,978
Công ty TNHH Huynhdai Merchant Marime Việt Nam	-	553,464,870
Chi nhánh Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam tại TP Hải Phòng	-	375,224,844
Công ty Vận tải biển Container Vinalines	-	217,415,139
Orient Express Lines (Singapore) Pte Ltd	2,681,960,340	-
Công ty CP Hàng Hải Đông Đô	2,039,265,656	-
Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam)	1,300,856,305	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Hải	1,162,611,400	-
Các đối tượng khác	8,161,230,212	3,153,664,215

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	<u>52,741,565,122</u>	<u>24,804,877,019</u>
------	-----------------------	-----------------------

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Kirow Ardelt AG	32,645,251,686	5,770,248,025
Công ty Cổ phần Bách Đằng 5	-	2,400,000,000
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ	1,464,220,000	1,464,220,000
Trung tâm tư vấn Phát triển Công nghệ Xây dựng Hàng hải	748,273,733	700,000,000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239,222,508	239,222,508
Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	60,000,000	90,000,000
Trung tâm Quan trắc Môi trường	68,000,000	68,000,000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Bách Khoa	55,000,000	55,000,000
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	119,878,000	25,619,000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình thủy - CIENCO1	103,227,833	3,227,833
PROF.DR.KLAUS PANNEN	16,119,943,576	-
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây lắp Hải Sơn	1,600,000,000	-
Công ty cổ phần chế tạo thiết bị điện Việt Nam	636,801,000	-
Công ty cổ phần Unicovina	1,496,140,880	-
CN Công ty TNHH MTV điện lực Hải Phòng - Điện lực Hải An	129,369,800	-
Công ty TNHH TM và đầu tư Đông Nam Á	15,000,000	-
Trung tâm xúc tiến đầu tư - Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	450,000,000	450,000,000
Các đối tượng khác	633,624,967	213,305,040
Cộng	<u>56,583,953,983</u>	<u>11,478,842,406</u>

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần đầu tư và vận tải Hải Hà	2,500,000,000	-
Công ty CP dịch vụ hàng hải HAS	700,000,000	-
Phải thu tiền khung nhôm kính của HATS	40,747,800	-
Doanh thu tạm tính	500,424,674	-
Phải thu thuế TNCN	-	30,885,436
Lãi tiền gửi dự thu	-	225,818,539
Các khoản phải thu khác	139,725,038	8,596,067
Cộng	<u>3,880,897,512</u>	<u>265,300,042</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	149,712,217	149,712,217

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>		
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	149,712,217	149,712,217
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>		
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>		
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(67,295,411)	
Cộng	82,416,806	149,712,217

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	149,712,217	149,712,217
Hoàn nhập dự phòng	(67,295,411)	-
Số cuối năm	82,416,806	149,712,217

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	21,882,909,660	4,362,446,745
Công cụ, dụng cụ	1,140,000	1,140,000
Cộng	21,884,049,660	4,363,586,745

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thửa	-	311.722.002
Thuế nhập khẩu nộp thửa	3,155,400	-
Cộng	3,155,400	311.722.002

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản ký quỹ ngắn hạn và tạm ứng của CBNV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI LAN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công
Nguyên giá					
Số đầu năm	193,323,177,210	189,992,719,402	4,436,072,733	677,641,591	388,429,610,936
Tăng trong năm do xây dựng cơ bản hoàn thành	-	13,398,353,998	93,500,082,119	-	106,898,436,117
Số cuối năm	193,323,177,210	203,391,073,400	97,936,154,852	677,641,591	495,328,047,053
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	43,057,621,005	61,739,314,018	729,079,642	588,887,593	106,114,902,258
Tăng trong năm do khấu hao	8,988,587,091	15,773,377,673	3,869,402,865	314,954,640	28,946,322,269
Giảm trong năm do tăng thời gian khấu hao theo BBKT của cơ quan thuế	(205,563,887)	(163,053,138)			(368,617,025)
Số cuối năm	52,046,208,096	77,307,127,804	4,435,429,369	903,842,233	134,692,607,502
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	150,265,556,205	128,253,405,384	3,706,993,091	88,753,998	282,314,708,678
Số cuối năm	141,276,969,114	126,083,945,596	93,500,725,483	(226,200,642)	360,635,439,551

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý cảng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	906,954,649	5,851,969,885
Số cuối năm	4,945,015,236	906,954,649	5,851,969,885
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1,402,501,101	468,593,241	1,871,094,342
Tăng trong năm do khấu hao	105,964,614	136,043,199	242,007,813
Số cuối năm	1,508,465,715	604,636,440	2,113,102,155
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3,542,514,135	438,361,408	3,980,875,543
Số cuối năm	3,436,549,521	302,318,209	3,738,867,730

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	111,957,275,927	107,658,036,389	4,299,239,538
XDCB dở dang	775,944,454	4,879,694,993	-	5,655,639,447
Cộng	775,944,454	116,836,970,920	107,658,036,389	9,954,878,985

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS(i)	100.000	1,622,955,592	100.000	1,353,777,873
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An(ii)	500.000	15,490,795,744	250.000	5,824,979,537
Cộng	17,113,751,336			7,178,757,410

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201275526 ngày 14 tháng 8 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS 1.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30 tháng 09 năm 2014, Công ty đã đầu tư đủ 1.000.000.000 VND tương đương 20% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 ngày 01 tháng 3 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 5.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá gốc khoản đầu tư	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Phản lãi hoặc lỗ lũy kế đến cuối năm	Giá trị phản sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS(i)	1,000,000,000	269,177,719	353,777,873	1,622,955,592
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An(ii)	5,000,000,000	7,165,816,207	3,324,979,537	15,490,795,744
Cộng	6,000,000,000	7,434,993,926	3,678,757,410	17,113,751,336

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	238.100	976.210.000	238.100	976.210.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	250.000	3.025.000.000	250.000	3.025.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	4.391	10.977.500	4.391	10.977.500
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam	2.010	16.884.000	2.010	16.884.000
Cộng		4.029.071.500		4.029.071.500

14. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thanh toán thẻ tín dụng	110,240,939	110,240,939
Các khoản đặt cọc thuê nhà, bình nước, dịch vụ viễn thông	32,930,000	32,930,000
Ký quỹ viễn thông cho tàu	10,000,000	-
Đặt cọc thuê container	883,512,000	-
Cộng	1,036,682,939	143,170,939

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải	5,202,320,325	5,702,320,325
Vay dài hạn đến hạn trả	-	12,945,633,806
Cộng	5,202,320,325	18,647,954,131

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải	5,702,320,325		500,000,000	5,202,320,325
Vay dài hạn đến hạn trả				-
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở	12,945,633,806	16,872	12,945,650,678	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính

Công	<u>18,647,954,131</u>	<u>16,872</u>	<u>13,445,650,678</u>	<u>5,202,320,325</u>
------	-----------------------	---------------	-----------------------	----------------------

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật Hàng hải	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	1,797,961,550	1,750,672,050
Công ty Vận tải biển Anh Tú	891,995,246	891,995,246
Công ty TNHH Thương mại Dỵ Thành	200,000,000	200,000,000
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	125,000,000	125,000,000
Công ty Xây dựng Thương mại Phương Nam	91,057,740	91,057,740
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải HAS	1,851,720,346	2,292,328,409
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	249,246,146	210,963,855
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	-	20,537,130
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đinh Vũ	-	5,067,185,391
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
- Công ty TNHH MTV - Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	947,270,500	936,291,950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Hải Âu	753,332,920	869,908,000
Công ty Cổ phần Xếp dỡ Vận tải An Hải	997,039,450	750,269,300
Công ty TNHH Tiếp vận Sắc Việt	321,370,500	375,200,100
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Kim	-	7,330,000
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1	3,025,815,653	-
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	9,667,204,923	-
Chi cục đăng kiểm số 10	108,385,886	-
Công ty Cổ phần thương mại Minh Dũng	351,036,609	-
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	463,940,752	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - 128 Hải Phòng	1,626,616,128	-
Công ty Cổ phần TM kỹ thuật Đông Nam Á	395,974,360	-
Công ty Cổ phần kỹ thuật Unico Vina	211,615,800	-
Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Việt Thắng	114,040,666	-
Công ty TNHH Liên Doanh Trường Phát	287,353,000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ Thiên Hòa	382,206,000	-
Các đối tượng khác	<u>1,317,043,515</u>	<u>1,277,745,039</u>
Công	<u>36,806,294,390</u>	<u>14,866,484,210</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
------------	-----------------------	---------------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế GTGT hàng bán nội địa	(4,840,719,107)	8,146,488,981	15,651,496,748	(12,345,726,874)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12,257,924,970	12,257,924,970	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1,544,858,756	1,548,014,156	(3,155,400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100,182,862	10,339,943,623	2,872,911,454	7,567,215,031
Thuế thu nhập cá nhân	287,840,653	1,287,394,612	1,176,688,992	398,546,273
Tiền thuê đất	-	605,576,400	605,576,400	-
Các loại thuế khác	-	215,242,780	215,242,780	-
Cộng	(4,452,695,592)	34,397,430,122	34,327,855,500	(4,383,120,970)

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(3,155,400)	(311,722,002)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7,965,761,304	1,649,555,114
Thuế GTGT còn được khấu trừ	(12,345,726,874)	-
	(4,383,120,970)	1,337,833,112

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ bốc xếp cho tàu nước ngoài	0%
Dịch vụ cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91,678,964,531	83,302,189,497
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	(3,482,878,580)
- Lợi nhuận công ty liên kết	(7,434,993,926)	(3,381,792,235)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	148,913,655
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(250,000,000)
Thu nhập chịu thuế	84,243,970,605	79,819,310,917
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	84,243,970,605	79,819,310,917
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>19,954,827,729</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(11,495,048,690)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(7,663,365,793)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	<i>-</i>
	<i>796,413,246</i>
	<i>18,061,721</i>
<i>Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước</i>	<i></i>
<i>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>10,339,943,623</i>
	<i>796,413,246</i>

Hoạt động khai thác cảng: Theo thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện miễn giảm thuế TNDN, công ty được: miễn thuế TNDN 4 năm (từ năm 2010 đến 2013) và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến 2022).

Tuy nhiên số thuế trên có thể thay đổi khi có quyết định khác của Cơ quan thuế.

Hoạt động khai thác tàu: áp dụng thuế suất phổ thông

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay dự trả, khác	382,192,568	169,731,687
Phụ cấp Hội đồng thành viên	153,000,000	51,000,000
Tạm trích chi phí sửa chữa, nạo vét luồng	12,822,730,000	-
Cộng	13,357,922,568	220,731,687

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	38,082,558	53,279,958
Bảo hiểm xã hội	125,813,187	84,852,600
Bảo hiểm y tế	31,751,204	20,151,450
Bảo hiểm thất nghiệp	18,033,949	12,189,184
Cố tức phải trả	69,300,000	53,340,000
Đoàn phí	6,752,200	10,398,000
Đáng phí	5,630,000	1,311,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quỹ quốc phòng địa phương	750,000	1,110,000
Các khoản phải trả phải nộp khác	2,499,460,198	7,844,884
Cộng	2,795,573,296	244,477,076

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2,043,607,952	-	1,937,739,100	105,868,852
Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	1,719,624,914	-	510,000,000	1,209,624,914
Cộng	3,763,232,866	-	2,447,739,100	1,315,493,766

21. Vay và nợ dài hạn

- Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính 6.000.000 USD đã trả được 3.544.687,69 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.
- Trong kỳ, công ty có vay thêm của Bảo Việt Bank 2.500.000 USD để đầu tư mua tàu container theo hợp đồng hợp tác liên doanh và vay Vietcombank 1.442.000 USD trang bị thêm thiết bị cho hoạt động khai thác cảng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	12,945,633,806
Trên 1 năm đến 5 năm	134,323,123,577	51,782,553,449
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	134,323,123,577	64,728,187,255

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	51,782,553,449	76,708,883,082
Tăng do vay thêm	83,082,360,000	-
CLTG đánh giá lại	-	643,292,035
Số tiền vay đã trả	(541,789,872)	(12,784,810,834)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(12,784,810,834)
Giảm khác		
Số cuối năm	134,323,123,577	51,782,553,449

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quí	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số đầu năm trước	231,962,320,000	38,385,998,922	(36,575,000,000)	14,430,466,733	7,763,408,871	53,703,314,564
Tăng do sát nhập	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	82,505,776,251	82,505,776,251
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(24,297,794,530)	(24,297,794,530)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(48,846,830,000)	(48,846,830,000)
Số dư cuối năm trước	231,962,320,000	38,385,998,922	(36,575,000,000)	14,430,466,733	7,763,408,871	319,031,660,811
Số dư đầu năm nay	231,962,320,000	38,385,998,922	(36,575,000,000)	14,430,466,733	7,763,408,871	63,064,466,285
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	319,031,660,811
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	81,339,020,908
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	81,339,020,908
Bán cổ phiếu quỹ	-	19,502,382,000	32,503,970,000	-	-	(19,538,732,000)
Số dư cuối năm nay	231,962,320,000	57,888,380,922	(4,071,030,000)	14,430,466,733	7,763,408,871	124,864,755,193
						432,838,301,719

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	19,538,732,000	48.846.830.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	19,538,732,000	48.846.830.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.196.232	23.196.232
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	407.103	3.657.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.789.129	19.538.732
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.789.129	19.538.732
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	Quý này	Quý trước
Doanh thu bán hàng hóa nội địa	760,043,124	532,031,955
Doanh thu dịch vụ bốc xếp, nâng hạ	55,118,191,661	40,209,656,962
Doanh thu lưu kho bãi, cảng điện	12,390,247,779	7,322,271,833
Doanh thu lai dắt, hỗ trợ tàu	754,270,010	606,530,988
Doanh thu cho thuê cầu bến, phao	1,040,706,609	716,809,166
Doanh thu vận tải đường biển	43,344,764,907	-
Dịch vụ khác	3,487,403,952	2,937,867,973
Cộng	116,895,628,042	52,325,168,877

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn khai thác cảng biển và vận tải biển

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này	Quý trước
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,367,429,990	869,413,100
Lãi tiền cho vay	28,221,388	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	146,940,581	219,094,121
Cộng	1,542,591,959	1,088,507,221

4. Chi phí tài chính

	Quý này	Quý trước
Chi phí lãi vay	1,677,096,667	1,296,419,229
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112,207,210	1,163,454
Cộng	1,789,303,877	1,297,582,683

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này	Quý trước
Chi phí nhân viên quản lý	5,250,388,340	1,247,945,964
Chi phí vật liệu quản lý	351,158,226	217,364,005
Chi phí đồ dùng văn phòng	84,570,878	143,527,324
Chi phí khấu hao TSCĐ	59,806,389	241,835,985
Thuế, phí và lệ phí	15,884,503	7,978,900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,139,109,551	759,237,427
Chi phí bằng tiền khác	1,790,347,041	975,490,851
Cộng	8,691,264,928	3,593,380,456

6. Thu nhập khác

	Quý này	Quý trước
Thu nhập từ nhượng bán thanh lý tài sản	-	136,363,636
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	6,700,000	13,224,565
Các khoản thu nhập khác	532	609
Cộng	6,700,532	149,588,810

7. Chi phí khác

	Quý này	Quý trước
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	209,497,272	-
Chi phí do bị phạt vi phạm thuế	42,617,256	-
Chi phí khác	6,000,175	50,030
Cộng	258,114,703	50,030

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Quý này	Quý trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS	(58,643,468)	120,416,386
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1,462,282,244	826,599,720
Cộng	1,403,638,776	947,016,106

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cuối quý này	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81,339,020,908	82,505,776,251
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	81,339,020,908	82,505,776,251
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	22,789,129	19,538,732
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,569	4,223

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số dư các bên liên quan:

Các khoản phải thu

	Cuối quý này	Số đầu năm
CN Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại HP	64,934,748	115,318,766
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	1,551,033,636	1,178,632,999
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	8,792,732,742	2,706,988,185
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hải HAS	325,611,618	188,912,425
CN Công ty CP Hàng hải Macs tại HP	73,435,400	-
Công ty cổ phần hàng hải Nam Dương	-	-
Cộng	10,807,748,144	4,189,852,375

Các khoản phải trả

Cuối quý này	Số đầu năm
-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ Phàn Hàng hải Hà Nội	249,246,146	210,963,855
Công ty Cổ Phàn Đầu tư và Vận tải Hải Hà	4,944,877	256,622,941
Công ty Cổ Phàn Kho vận Giao nhận Ngoại thương – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	45,795,000	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng	1,797,961,550	1,750,672,050
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	8,161,973,174	-
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hải HAS	1,967,530,346	2,292,328,409
Cộng	<u>12,227,451,093</u>	<u>4,510,587,255</u>

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty trong bên liên quan vay. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP ĐỔ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Người lập biếu

Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường